Hướng dẫn đặt hàng:

Ý NGHĨA TỪNG SỐ TRONG MÃ SỐ ĐẶT HÀNG QUẠT THÔNG GIÓ

- (S) SINO
- (P) Phân biệt loại quạt 1 chiều hay 2 chiều:
  "P" 1 chiều, "S" 2 chiều
- (T0) Phân biệt chức năng sử dụng:
  "T0": Gắn trần hút thẳng
  "T1": Gắn trần có ống hút ngang, thân nhựa
  "T2": Gắn trần có ống hút ngang, thân sắt
  "B": Gắn tường
  "C": Gắn kính
- (15) Sải cánh: "15" = 15cm, "20" = 20cm,
  "25" = 25cm, "30" = 30cm, "12/14" = 12cm
  "13/23" = 13cm, "17/34" = 17cm
- (A) Có màn che hay không:
  "A" không màn che, "B" có màn che
- (F) Kiểu lá gió: "F" tự mở, "D" mở = công
  tắc 1 chiều, "S" mở = công tắc đảo chiều

	S	P	T0	15	A	F
VD:	**S**	**S**	**B**	**30**	**B**	**S**
	Sino	2 chiều	Gắn tường	30cm	có màn che	công tắc đảo chiều

Code: CTL/Q/030412

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG

QUẠT HÚT GẮN KÍNH

QUẠT HÚT GẮN TRẦN

QUẠT THÔNG GIÓ
VENTILATING FAN
Product Catalogue 2012

SINO INDUSTRIAL SYSTEMS
VANLOCK

QUẠT THÔNG GIÓ - VENTILATING FAN

SINO® INDUSTRIAL SYSTEMS
VANLOCK®

QUẠT HÚT GẮN TRẦN ỐNG HÚT NGANG - LÁ GIÓ TỰ MỞ - THÂN NHỰA
Ceiling mounted tubular ventilating fan

Model Catalogue

SPT112/14BF

SPT113/23BF

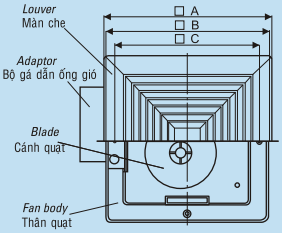

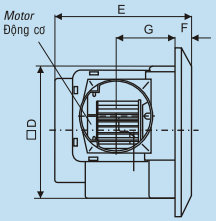

Dimensions:mm
Đơn vị: mm

Model Loại	A	B	C	D	E	F	G	Duct size Kích cỡ ống
SPT112/14BF	231	224	200	180	186.5	21	81.5	Ø100
SPT113/23BF	275	264	238	221	188	18	83	Ø100

Mã số Code	Điện áp Voltage (V)	Tần số Frequency (Hz)	Tốc độ Speed (r/min)	Công suất Watts (W)	Diện tích phòng Room area (m^2)	Lưu lượng Air discharge (m^3/min)		Độ ồn Noise (dB)		Kích thước lắp ráp Mounting dimension (mm)	Kích thước bao Overall dimension (mm)
						Thuận Aloof	Nghịch Inverse	Thuận Aloof	Nghịch Inverse		
SPT112/14BF	220	50	1050	17	5~10	2.5		43		180x180x165.5	231x231
SPT113/23BF	220	50	1050	17	7.5~10	3.8		45		221x221x170	275x275

QUẠT THÔNG GIÓ - VENTILATING FAN

SINO® INDUSTRIAL SYSTEMS
VANLOCK®

QUẠT HÚT GẮN TRẦN ỐNG HÚT NGANG - LÁ GIÓ TỰ MỞ - THÂN SẮT
Ceiling mounted ventilating fan

Model Catalogue

SPT212/14BF

SPT217/34BF

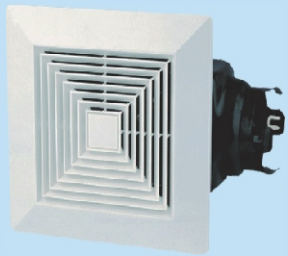

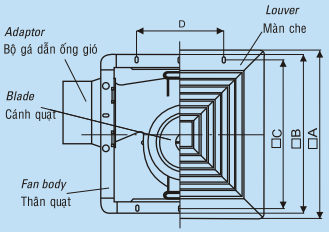

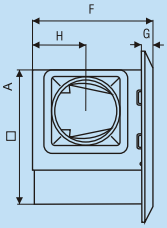

Dimensions:mm
Đơn vị: mm

Model Loại	A	B	C	D	E	F	G	H	Duct size Kích thước ống
SPT212/14BF	275	255	238	140	217	195	18	88	Ø100
SPT217/34BF	330	310	286	140	263	243	25	88	Ø150

Mã số Code	Điện áp Voltage (V)	Tần số Frequency (Hz)	Tốc độ Speed (r/min)	Công suất Watts (W)	Diện tích phòng Room area (m^2)	Lưu lượng Air discharge (m^3/min)		Độ ồn Noise (dB)		Kích thước lắp ráp Mounting dimension (mm)	Kích thước bao Overall dimension (mm)
						Thuận Aloof	Nghịch Inverse	Thuận Aloof	Nghịch Inverse		
SPT212/14BF	220	50	1270	30	5~10	2.5		45		217x217x177	275x275
SPT217/34BF	220	50	550	33	10~25	5.8		38		263x263x222	330x330

QUẠT THÔNG GIÓ - VENTILATING FAN

SINO® INDUSTRIAL SYSTEMS
VANLOCK®

QUẠT HÚT GẮN TRẦN HÚT THẲNG - Ceiling type mounted ventilating fan

Model Catalogue

SPT020BF

SPT025BF

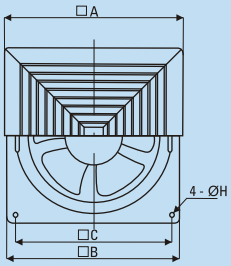

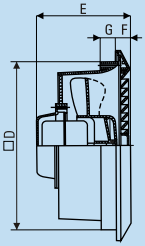

Dimensions:mm
Đơn vị: mm

Model / Loại	A	B	C	D	E	F	G	ØH
SPT020BF	294	286	274	260	150	21	24	5.5
SPT025BF	372	352	340	325	150	21	20	5.5

Mã số Code	Điện áp Voltage (V)	Tần số Frequency (Hz)	Tốc độ Speed (r/min)	Công suất Watts (W)	Diện tích phòng Room area (m^2)	Lưu lượng Air discharge (m^3/min)		Độ ồn Noise (dB)		Kích thước lắp ráp Mounting dimension (mm)	Kích thước bao Overall dimension (mm)
						Thuận Aloof	Nghịch Inverse	Thuận Aloof	Nghịch Inverse		
SPT020BF	220	50	1190	26	12~20	5.5		42		260x260x129	294x294
SPT025BF	220	50	1200	35	20~29	12.5		45		325x325x129	372x372

QUẠT THÔNG GIÓ - VENTILATING FAN

SINO® INDUSTRIAL SYSTEMS
VANLOCK®

QUẠT HÚT GẮN KÍNH - Glass type mounted exhaust fan

Model Catalogue

SPC15AD

SPC20AD

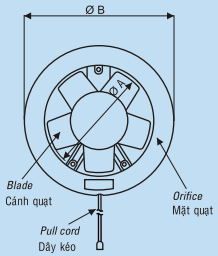

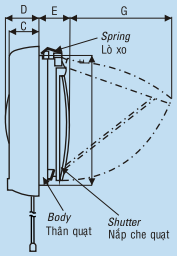

Dimensions:mm
Đơn vị: mm

Model / Loại	A	B	C	D	E	F	G
SPC15AD	150	210	43.5	53	40	179	146
SPC20AD	200	284	61	68	50	244	180

Mã số Code	Điện áp Voltage (V)	Tần số Frequency (Hz)	Tốc độ Speed (r/min)	Công suất Watts (W)	Diện tích phòng Room area (m^2)	Lưu lượng Air discharge (m^3/min)		Độ ồn Noise (dB)		Kích thước lắp ráp Mounting dimension (mm)	Kích thước bao Overall dimension (mm)
						Thuận Aloof	Nghịch Inverse	Thuận Aloof	Nghịch Inverse		
SPC15AD	220	50	1800	10	3~6	3.2		42		179x179x40	210x210
SPC20AD	220	50	1500	28	6~11	6		45		235x235x53	270x270

QUẠT THÔNG GIÓ - VENTILATING FAN

QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TƯỜNG MỘT CHIỀU - LÁ GIÓ TỰ MỞ - Air-pressure ventilating fan

Model Catalogue

- SPB15AF
- SPB20AF
- SPB25AF
- SPB30AF

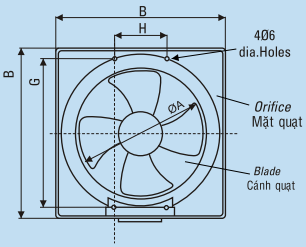

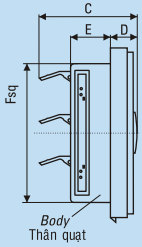

Dimensions:mm
Đơn vị: mm

Model Loại	A	B	C	D	E	F	G	H
SPB15AF	150	244	185	50	75	174	210	100
SPB20AF	200	306	196	51	70	240	270	60
SPB25AF	250	350	194	50	77	290	312	110
SPB30AF	300	405	215	53	80	340	370	-

Mã số Code	Điện áp Voltage (V)	Tần số Frequency (Hz)	Tốc độ Speed (r/min)	Công suất Watts (W)	Diện tích phòng Room area (m^2)	Lưu lượng Air discharge (m^3/min)		Độ ồn Noise (dB)		Kích thước lắp ráp Mounting dimension (mm)	Kích thước bao Overall dimension (mm)
						Thuận Aloof	Nghịch Inverse	Thuận Aloof	Nghịch Inverse		
SPB15AF	220	50	1500	24	8~12	5		40		174x174x75	244x244
SPB20AF	220	50	1190	26	12~20	9.5		42		240x240x70	306x306
SPB25AF	220	50	1200	35	20~29	14.5		45		290x290x77	350x350
SPB30AF	220	50	1100	47	30~40	18.5		48		340x340x80	405x405

QUẠT THÔNG GIÓ - VENTILATING FAN

QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TƯỜNG MỘT CHIỀU - LÁ GIÓ TỰ MỞ - LOẠI CÓ MÀN CHE

Air-pressure blind ventilating fan

Model Catalogue

- SPB15BF
- SPB20BF
- SPB25BF
- SPB30BF

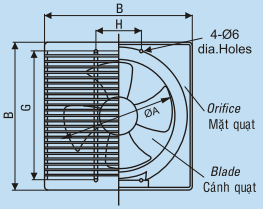

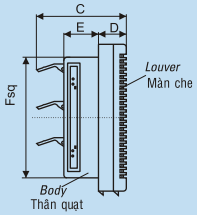

Dimensions:mm
Đơn vị: mm

Model Loại	A	B	C	D	E	F	G	H
SPB15BF	150	244	205	70	75	174	210	100
SPB20BF	200	306	211	66	70	240	270	60
SPB25BF	250	350	214	70	77	290	312	110
SPB30BF	300	405	232	70	80	340	370	-

Mã số Code	Điện áp Voltage (V)	Tần số Frequency (Hz)	Tốc độ Speed (r/min)	Công suất Watts (W)	Diện tích phòng Room area (m^2)	Lưu lượng Air discharge (m^3/min)		Độ ồn Noise (dB)		Kích thước lắp ráp Mounting dimension (mm)	Kích thước bao Overall dimension (mm)
						Thuận Aloof	Nghịch Inverse	Thuận Aloof	Nghịch Inverse		
SPB15BF	220	50	1500	24	8~12	5		40		174x174x75	244x244
SPB20BF	220	50	1190	26	12~20	9.5		42		240x240x70	306x306
SPB25BF	220	50	1200	35	20~29	14.5		45		290x290x77	350x350
SPB30BF	220	50	1100	47	30~40	18.5		48		340x340x80	405x405

SINO® INDUSTRIAL SYSTEMS
VANLOCK®

QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TƯỜNG MỘT CHIỀU - LÁ GIÓ MỞ BẰNG CÔNG TẮC
Unidirectional linked type ventilating fan

Model Catalogue

SPB20AD

SPB25AD

SPB30AD

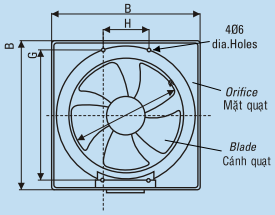

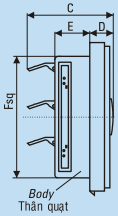

Dimensions:mm
Đơn vị: mm

Model Loại	A	B	C	D	E	F	G	H
SPB20AD	200	306	196	51	70	240	270	60
SPB25AD	250	350	194	50	77	290	312	110
SPB30AD	300	405	215	53	80	340	370	-

Mã số Code	Điện áp Voltage (V)	Tần số Frequency (Hz)	Tốc độ Speed (r/min)	Công suất Watts (W)	Diện tích phòng Room area (m^2)	Lưu lượng Air discharge (m^3/min)		Độ ồn Noise (dB)		Kích thước lắp ráp Mounting dimension (mm)	Kích thước bao Overall dimension (mm)
						Thuận Aloof	Nghịch Inverse	Thuận Aloof	Nghịch Inverse		
SPB20AD	220	50	1190	26	12~20	9.5		42		240x240x70	306x306
SPB25AD	220	50	1200	35	20~29	14.5		42		290x290x77	350x350
SPB30AD	220	50	1100	47	30~40	18.5		48		340x340x80	405x405

SINO® INDUSTRIAL SYSTEMS
VANLOCK®

QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TƯỜNG MỘT CHIỀU - LÁ GIÓ MỞ BẰNG CÔNG TẮC - LOẠI CÓ MÀN CHE
Unidirectional linked type blind ventilating fan

Model Catalogue

SPB20BD

SPB25BD

SPB30BD

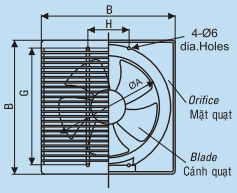

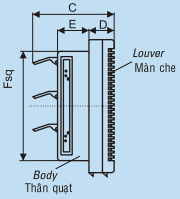

Dimensions:mm
Đơn vị: mm

Model Loại	A	B	C	D	E	F	G	H
SPB20BD	200	306	211	66	70	240	270	60
SPB25BD	250	350	214	70	77	290	312	110
SPB30BD	300	405	232	70	80	340	370	-

Mã số Code	Điện áp Voltage (V)	Tần số Frequency (Hz)	Tốc độ Speed (r/min)	Công suất Watts (W)	Diện tích phòng Room area (m^2)	Lưu lượng Air discharge (m^3/min)		Độ ồn Noise (dB)		Kích thước lắp ráp Mounting dimension (mm)	Kích thước bao Overall dimension (mm)
						Thuận Aloof	Nghịch Inverse	Thuận Aloof	Nghịch Inverse		
SPB20BD	220	50	1190	26	12~20	9.5		42		240x240x70	306x306
SPB25BD	220	50	1200	35	20~29	14.5		42		290x290x77	350x350
SPB30BD	220	50	1100	47	30~40	18.5		48		340x340x80	405x405

SINO INDUSTRIAL SYSTEMS
VANLOCK

QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TƯỜNG HAI CHIỀU - LÁ GIÓ MỞ BẰNG CÔNG TẮC
Bidirectional linked type ventilating fan

Model Catalogue

SSB20AS

SSB25AS

SSB30AS

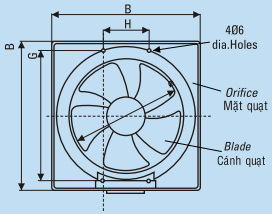

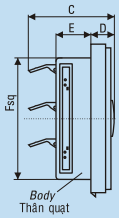

Dimensions:mm
Đơn vị: mm

Model Loại	A	B	C	D	E	F	G	H
SSB20AS	200	306	196	51	70	240	270	60
SSB25AS	250	350	194	50	77	290	312	110
SSB30AS	300	405	215	53	80	340	370	-

Mã số Code	Điện áp Voltage (V)	Tần số Frequency (Hz)	Tốc độ Speed (r/min)	Công suất Watts (W)	Diện tích phòng Room area (m^2)	Lưu lượng Air discharge (m^3/min)		Độ ồn Noise (dB)		Kích thước lắp ráp Mounting dimension (mm)	Kích thước bao Overall dimension (mm)
						Thuận Aloof	Nghịch Inverse	Thuận Aloof	Nghịch Inverse		
SSB20AS	220	50	1250	26	12~20	9.5	6.2	42	47	240x240x70	306x306
SSB25AS	220	50	1100	35	20~29	14.5	9.5	45	49	290x290x77	350x350
SSB30AS	220	50	1100	47	30~40	18.5	15	48	52	340x340x80	450x450

SINO INDUSTRIAL SYSTEMS
VANLOCK

QUẠT THÔNG GIÓ GẮN TƯỜNG HAI CHIỀU - LÁ GIÓ MỞ BẰNG CÔNG TẮC - LOẠI CÓ MÀN CHE
Bidirectional linked type blind ventilating fan

Model Catalogue

SSB20BS

SSB25BS

SSB30BS

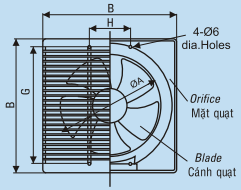

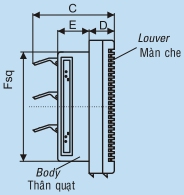

Dimensions:mm
Đơn vị: mm

Model Loại	A	B	C	D	E	F	G	H
SSB20BS	200	306	211	66	70	240	270	60
SSB25BS	250	350	214	70	77	290	312	110
SSB30BS	300	405	232	70	80	340	370	-

Mã số Code	Điện áp Voltage (V)	Tần số Frequency (Hz)	Tốc độ Speed (r/min)	Công suất Watts (W)	Diện tích phòng Room area (m^2)	Lưu lượng Air discharge (m^3/min)		Độ ồn Noise (dB)		Kích thước lắp ráp Mounting dimension (mm)	Kích thước bao Overall dimension (mm)
						Thuận Aloof	Nghịch Inverse	Thuận Aloof	Nghịch Inverse		
SSB20BS	220	50	1250	26	12~20	9.5	6.2	43	47	240x240x70	306x306
SSB25BS	220	50	1100	35	20~29	14.5	9.5	46	49	290x290x77	350x350
SSB30BS	220	50	1100	47	30~40	18.5	15	49	52	340x340x80	450x450